**Học vần**

**Bài 31: ua, ưa**

(Trang 58)

**I. Mục tiêu**

***1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết các chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa.** Hiểu được quy trình viết, nắm được độ cao, khoảng cách giữa các con chữ **i** chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa.**

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **ua,** âm **ưa.** Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (1). Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa.** Rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

***2. Yêu cầu cần đạt về năng lực – phẩm chất:***

**a. Năng lực:**

**-** *Năng lực chung:* Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn. Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**-** *Năng lực đặc thù:* HS phát triển về năng lực ngôn ngữ thông qua việc học sinh đọc, trả lời câu hỏi, nghe hiểu và trình bày rõ ràng ý kiến, yêu cầu nhiệm vụ học tâp.

***b. Phẩm chất:***

***-*** HS yêu thích học TV, chăm chỉ, tích cực hăng say, tự giác thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Không kiêu ngạo, chủ quan.

**II. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1**  **1. Khởi động**  a/ Ổn định.  b/ Kiểm tra bài cũ.  + Yêu cầu HS đọc bài *Chó xù*  + NX, tuyên dương | - Hát  - 2 HS đọc bài |
| **2.Chia sẻ và khám phá**  **a/ Giới thiệu bài:** âm và chữ **ua, ưa.**  GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu. | - HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại. |
| **b/ Âm ua**  - GV chỉ hình hỏi: Đây là con gì?  - GV viết tiếng **cua** và đọc **cua.** Y/c hs đọc lại.  - Y/c hs phân tích tiếng **cua.**  **-** GV đánh vần và đọc tiếng: **cờ - ua - cua / cua.** Y/c hs đọc.  - GV NX sửa lỗi.  **c/ Âm ưa.**  - GV chỉ hình hỏi: Hình vẽ con gì?  - GV viết tiếng **ngựa** và đọc **ngựa.** Y/c hs đọc lại.  - Y/c hs phân tích tiếng **ngựa.**  **-** GV đánh vần và đọc tiếng: **ngờ - ưa - ngưa - nặng - ngựa / ngựa.**Y/c hs đọc. - GV NX sửa lỗi.  **-** Y/c hs tìm và ghép tiếng **cua**, **ngựa** lên bảng gài | - HS nhìn hình, nói: con cua  - Nhận biết chữ **cua: c, ua;** đọc: **cua.**  **-** Phân tích tiếng **cua: c** đứng trước **ua** đứng sau  - Đánh vần và đọc tiếng: **sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.** (cá nhân, tổ, lớp )  - Lắng nghe.  - HS đọc: con **ngựa**  - Đọc: **ngựa.** (cá nhân, tổ, lớp)  **-** Phân tích tiếng **ngựa: ng** đứng trước **ưa** đứng sau, dấu nặng dưới **ư**.  - Đánh vần và đọc tiếng: **ngờ - ưa - ngưa - nặng - ngựa / ngựa.** (cá nhân, tổ, lớp )  HS thực hiện |
| **3. Luyện tập**  **a/ Mở rộng vốn từ** |  |
| BT 2: Tiếng nào có âm **ua?** Tiếng nào cỏ âm **ưa?**  ***-*** GV chỉ tranh và y/c hs đọc các tiếng ứng với tranh đó. Nhận xét sửa lỗi.  - Y/c hs tìm tiếng có âm ua, ưa theo nhóm đôi(Vở bài tập)  - Gọi từng nhóm hs nêu các tiếng đó.  GV yêu cầu lớp đọc  - Khuyến khích học sinh tìm được các tiếng ngoài bài.  - NX, tuyên dương.  **b/Luyện đọc**  BT3: **Tập đọc**  - GV giới thiệu bài *Thỏ thua rùa* (1): Các em có biết rùa là con vật thế nào, thỏ là con vật thế nào không?  - GV: Thế mà khi thi chạy, thỏ lại thua rùa. Vì sao vậy? Các em hãy cùng nghe câu chuyện.  - GV đọc mẫu.(1 HSNK đọc)  - Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **thua rùa, bờ hồ, đùa, thi đi bộ, chả sợ, thi thì thi, phi như gió.** | - HS thực hiện đọc nối tiếp cho đến hết.  - HS thực hiện theo nhóm đôi.  - HS nêu: ua có: rùa, cà chua, đữa  ưa có: dưa đỏ, quả dừa, sữa.  HS đồng thanh: Tiếng **dưa** (đỏ) có âm **ưa.** Tiếng **rùa** có âm **ua...**  - HS nói thêm 3 4 tiếng ngoài bài có âm **ua** (đùa, múa, lụa, lúa,...); có âm **ưa** (cưa, chứa, hứa, nứa, vựa,...).  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Hs luyện đọc cá nhân, tổ, lớp |
| **Tiết 2**  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. (Đọc liền 2 câu *(Rùa chả sợ:“Thi thì thi!* ”);  - HD cho hs đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn)  - Tổ chức cho các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu).  - Tổ chức các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.  - GV chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc. / HS nối ghép các từ ngữ trong VBT.  - 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS nối ghép các cụm từ trên bảng lớp:  a-2) Thỏ rủ rùa thi đi bộ.  b-1) Rùa chả sợ thi. / Cả lớp đọc lại kết quả.  - GV: Qua bài đọc, em biết gì về tính tình thỏ?  - GV KL: Chính vì thỏ chù quan, kiêu ngạo mà kết thúc cuộc thi, người thắng không phải là thỏ. Các em sẽ biết kết thúc của câu chuyện khi đọc đoạn 2.  **c/ Tập viết** (bảng con )  - Y/c HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng.  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  **+ ua:** là chữ ghép từ hai chữ **u** và **a,** đều cao 2 li.  **+ưa:** chỉ khác **ua** ở nét râu trên **ư.**  **+ cua:** viết **c** trước, **ua** sau. Chú ý nét nối giữa **c** và **ua.**  **+ ngựa:** viết **ng** trước, **ưa** sau; dấu nặng đặt dưới **ư.**  - Y/c HS viết: **ua, ưa** (2 lần). / Viết: **cua, ngựa.**- Sau mỗi chữ, tiếng GV hd y/c hs viết trên bảng con, giơ bảng theo hiệu lệnh.  - Nhận xét bài viết của học sinh. | - Hs đếm 9 câu  - Hs đọc cá nhân, tổ, lớp  - Hs thực hiện cá nhân  - Hs thực hiện theo nhóm đôi  - Hs nêu kết quả.  Cả lớp nhắc lại.  - Thỏ chù quan, kiêu ngạo  - Lắng nghe  - Hs đồng thanh: ua, ưa, cua, ngựa  - Chú ý theo dõi  - HS thực hiện |
| **4. Củng cố, dặn dò**  - Y/c cả lớp đọc lại toàn bài.  **-** GV NX tiết học, tuyên dương.  - Dặn dò hs về nhà tiếp tục viết bài ( nếu chưa hoàn thành), học bài.  - GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện *Thỏ thua rùa* | - HS đọc |